



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Speaking 2 - MH1105029

Mã lớp học phần: 25111MH110502901 Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Đào Thị Hồng Hạnh - (05040)

Ngày thi: 16/9/25 Giờ thi: Phòng thi: A2.14

Giám thị 1: Ký tên:

Giám thị 2: Ký tên:

Giám thị 3: Ký tên:

Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410130011	Võ Nguyễn Minh	Đạt	12/04/2006	C26TA		10	Mười	
2	2410130013	Trần Trung	Hiếu	24/01/2006	C26TA		10	Mười	
3	2410130032	Huỳnh Gia	Huy	21/02/2006	C26TA		9.1	Chín, một	
4	2410130031	Lâm Quốc	Huy	24/05/2006	C26TA				VF
5	2410130030	Trần Tâm Hoàng	Huy	15/12/2004	C26TA		6.8	Sáu, tám	
6	2410130033	Võ Khải	Huy	22/07/2006	C26TA		10	Mười	
7	2410130025	Huỳnh	Hương	19/03/2006	C26TA		7.6	Bảy, sáu	
8	2410130021	Đặng Phụng	Hỷ	03/07/2006	C26TA		8.3	Tám, ba	
9	2410130017	Đoàn Đặng Ngọc	Mỹ	02/06/2006	C26TA		8.6	Tám, sáu	
10	2410130034	Đặng Kim	Ngọc	15/04/2006	C26TA		10	Mười	
11	2410130022	Tô Hồng Trí	Nhân	22/07/2002	C26TA		9.2	Chín, hai	
12	2410130018	Hồ Thị Kim	Oanh	03/06/2005	C26TA		7.3	Bảy, ba	
13	2410130008	Trần Thiên	Phú	08/10/2004	C26TA		5.5	Năm, năm	
14	2410130009	Phan Văn Trọng	Phúc	20/5/2004	C26TA		7.8	Bảy, tám	
15	2410130026	Nguyễn Ngọc Kim	Phượng	26/08/2006	C26TA		6.3	Sáu, ba	
16	2410130004	Quách Kim	Quỳnh	02/4/1999	C26TA		10	Mười	
17	2410130016	Lâm Quốc	Thịnh	02/10/2006	C26TA		10	Mười	
18	2410130027	Võ Minh	Thông	14/12/2002	C26TA		7.8	Bảy, tám	
19	2410130020	Hoàng Thị	Thu	26/03/1996	C26TA		8.4	Tám, bốn	
20	2410130002	Trịnh Nam	Thuận	08/3/2003	C26TA		7.8	Bảy, tám	
21	2410130028	Nguyễn Phương	Thùy	06/01/2006	C26TA		10	Mười	
22	2410130006	Nguyễn Lê Minh	Thư	08/08/2006	C26TA		6.8	Sáu, tám	
23	2410130001	Phạm Thu	Thương	12/8/2005	C26TA		10	Mười	
24	2410130023	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	27/12/2006	C26TA		10	Mười	
25	2410130003	Phạm Thị Thùy	Trang	27/10/1980	C26TA		8.9	Tám, chín	
26	2410130035	Trần Thị Quế	Trân	07/01/2006	C26TA		10	Mười	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	2410130012	Đoàn Thị Cẩm Tú	04/12/2006	C26TA		8.7	Tám, bảy	
28	2410130019	Phạm Huỳnh Tấn Việt	04/09/2006	C26TA		8.0	Tám	
29	2410130005	Tê Hoàng Như Ý	12/07/2006	C26TA		7.9	Bảy chín	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 28 vắng thi: 01 . Số bài thi: / .

Ngày 27 tháng 10 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

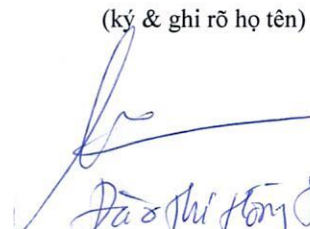
(ký & ghi rõ họ tên)


Phạm Quang Hải

Ngày 16 tháng 9 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Đào Thị Hồng Hạnh

TRƯỞNG
P



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Speaking 2 - MH1105029

Mã lớp học phần: 25111MH110502901

Số tín chỉ: 4

Giảng viên giảng dạy: Đào Thị Hồng Hạnh - (05040)

Ngày thi: 14/10/2025 Giờ thi: _____ Phòng thi: A214

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2410130011	Võ Nguyễn Minh	Đạt	12/04/2006	C26TA	<i>Bat</i>	9.5	Chín, năm	
2	2410130013	Trần Trung	Hiếu	24/01/2006	C26TA	<i>Tran</i>	9.9	Chín, chín	
3	2410130032	Huỳnh Gia	Huy	21/02/2006	C26TA	<i>huy</i>	8.2	Tám, hai	
4	2410130031	Lâm Quốc	Huy	24/05/2006	C26TA				VT
5	2410130030	Trần Tâm Hoàng	Huy	15/12/2004	C26TA	<i>Huy</i>	8.2	Tám, hai	
6	2410130033	Võ Khải	Huy	22/07/2006	C26TA	<i>Huy</i>	9.5	Chín, năm	
7	2410130025	Huỳnh	Hương	19/03/2006	C26TA	<i>huong</i>	9.0	Chín	
8	2410130021	Đặng Phụng	Hỷ	03/07/2006	C26TA	<i>Huy</i>	8.6	Tám, sáu	
9	2410130017	Đoàn Đặng Ngọc	Mỹ	02/06/2006	C26TA	<i>On</i>	7.5	Bảy, năm	
10	2410130034	Đặng Kim	Ngọc	15/04/2006	C26TA	<i>Dr</i>	10	Mười	
11	2410130022	Tô Hồng Trí	Nhân	22/07/2002	C26TA	<i>St</i>	9.3	Chín, ba	
12	2410130018	Hồ Thị Kim	Oanh	03/06/2005	C26TA	<i>Oanh</i>	9.3	Chín, ba	
13	2410130008	Trần Thiên	Phú	08/10/2004	C26TA				V
14	2410130009	Phan Văn Trọng	Phúc	20/5/2004	C26TA	<i>Phuc</i>	9.1	Chín, một	
15	2410130026	Nguyễn Ngọc Kim	Phượng	26/08/2006	C26TA	<i>Phuong</i>	7.4	Bảy, bốn	
16	2410130004	Quách Kim	Quỳnh	02/4/1999	C26TA	<i>Qu</i>	9.1	Chín, một	
17	2410130016	Lâm Quốc	Thịnh	02/10/2006	C26TA	<i>Thinh</i>	10	Mười	
18	2410130027	Võ Minh	Thông	14/12/2002	C26TA	<i>Thong</i>	8.0	Tám	
19	2410130020	Hoàng Thị	Thu	26/03/1996	C26TA	<i>Thuee</i>	9.8	Chín, tám	
20	2410130002	Trịnh Nam	Thuận	08/3/2003	C26TA	<i>Fun</i>	5.0	Năm	
21	2410130028	Nguyễn Phương	Thùy	06/01/2006	C26TA	<i>Thuy</i>	10	Mười	
22	2410130006	Nguyễn Lê Minh	Thư	08/08/2006	C26TA	<i>Thu</i>	10	Mười	
23	2410130001	Phạm Thu	Thương	12/8/2005	C26TA	<i>Thuong</i>	8.5	Tám, năm	
24	2410130023	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	27/12/2006	C26TA	<i>Th</i>	8.9	Tám, chín	
25	2410130003	Phạm Thị Thùy	Trang	27/10/1980	C26TA	<i>Th</i>	10	Mười	
26	2410130035	Trần Thị Quế	Trân	07/01/2006	C26TA	<i>Tran</i>	9.3	Chín, ba	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	2410130012	Đoàn Thị Cẩm Tú	04/12/2006	C26TA		7.7	Bảy bảy	
28	2410130019	Phạm Huỳnh Tấn Việt	04/09/2006	C26TA		8.8	Tám tám	
29	2410130005	Tê Hoàng Như Ý	12/07/2006	C26TA		8.0	Tám	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 27 vắng thi: 02 . Số bài thi: / .

Ngày 27 tháng 10 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

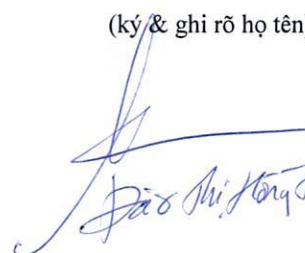
(ký & ghi rõ họ tên)


Phạm Quang Hải

Ngày 16 tháng 10 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Đào Thị Hồng Hạnh





BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Speaking 2 - MH1105029

Giám thị 1: Lê Thành Huy

Ký tên:

Mã lớp học phần: 25111MH110502901 Số tín chỉ: 4

Giám thị 2: Trương Thị Ngọc Thu

Ký tên:

Giảng viên giảng dạy: Đào Thị Hồng Hạnh

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 11/11/2025 Giờ thi: 15h15 Phòng thi: A1.10

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Đạt	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410130011	Võ Nguyễn Minh	Đạt	12/04/2006		1	9.8	chín tám	C26TA	
2	2410130013	Trần Trung	Hiếu	24/01/2006		1	9.6	chín sáu	C26TA	
3	2410130032	Huỳnh Gia	Huy	21/02/2006		1	8.0	Tám không	C26TA	
4	2410130030	Trần Tâm Hoàng	Huy	15/12/2004		1	5.6	Năm sáu	C26TA	
5	2410130033	Võ Khải	Huy	22/07/2006		1	9.4	chín bốn	C26TA	
6	2410130025	Huỳnh	Hương	19/03/2006		1	5.6	Năm sáu	C26TA	
7	2410130021	Đặng Phụng	Hỷ	03/07/2006		1	7.2	Bảy hai	C26TA	
8	2410130017	Đoàn Đặng Ngọc	Mỹ	02/06/2006		1	7.6	Bảy sáu	C26TA	
9	2410130034	Đặng Kim	Ngọc	15/04/2006		1	9.8	chín tám	C26TA	
10	2410130022	Tô Hồng Trí	Nhân	22/07/2002		1	7.0	Bảy không	C26TA	
11	2410130009	Phan Văn Trọng	Phúc	20/5/2004		1	7.6	Bảy sáu	C26TA	
12	2410130026	Nguyễn Ngọc Kim	Phượng	26/08/2006		1	5.0	Năm không	C26TA	
13	2410130004	Quách Kim	Quỳnh	02/4/1999		1	5.0	Năm không	C26TA	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 12 vắng thi: 1 Số bài thi/Số tờ: 12 / 12

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 25 tháng 11 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Phạm Quang Kỳ

Ngày 11 tháng 11 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Trương Thị Ngọc Thu



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Speaking 2 - MH1105029

Giám thị 1: Lê Trung San

Ký tên:

Mã lớp học phần: 25111MH110502901 Số tín chỉ: 4

Giám thị 2: Đào Thị Hồng Hạnh

Ký tên:

Giảng viên giảng dạy: Đào Thị Hồng Hạnh

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 11/11/2025 Giờ thi: 15h15 Phòng thi: A1.9

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2410130016	Lâm Quốc Thịnh	02/10/2006		1	8.6	Tạm, sâu	C26TA	
2	2410130027	Võ Minh Thông	14/12/2002		1	4.0	Bớt, không	C26TA	
3	2410130020	Hoàng Thị Thu	26/03/1996		1	7.6	Bớt, sâu	C26TA	
4	2410130002	Trịnh Nam Thuận	08/3/2003		1	8.2	Tạm, hai	C26TA	
5	2410130028	Nguyễn Phương Thùy	06/01/2006		1	5.2	Năm, hai	C26TA	
6	2410130006	Nguyễn Lê Minh Thư	08/08/2006		1	4.4	Bớt, bớt	C26TA	
7	2410130001	Phạm Thu Thương	12/8/2005		1	7.2	Bớt, hai	C26TA	
8	2410130023	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	27/12/2006		1	5.4	Năm, bớt	C26TA	
9	2410130003	Phạm Thị Thùy Trang	27/10/1980		1	6.6	Sâu, sâu	C26TA	
10	2410130035	Trần Thị Quế Trân	07/01/2006		1	8.6	Tạm, sâu	C26TA	
11	2410130012	Đoàn Thị Cẩm Tú	04/12/2006		1	6.6	Sâu, sâu	C26TA	
12	2410130019	Phạm Huỳnh Tấn Việt	04/09/2006		1	6.0	Sâu, không	C26TA	
13	2410130005	Tê Hoàng Như Ý	12/07/2006		1	5.2	Năm, hai	C26TA	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 13 vắng thi: 0. Số bài thi/Số tờ: 13 / 13.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 25 tháng 11 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày 11 tháng 11 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)